

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VINH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/DS-ST

Ngày: 29 - 3 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VINH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

Ông Sơn Khem

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vinh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vinh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vinh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 158/2021/TLST-DS, ngày 11 tháng 6 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2022/QĐST-DS ngày 25/02/2022 và Thông báo số 11/2022/TB-TA ngày 10 tháng 3 năm 2022 về việc dời ngày xét xử giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Anh Nguyễn Duy M, sinh năm 1985. Địa chỉ liên hệ: khóm N, phường K, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng. Là đại diện Hộ kinh doanh Thành L tại địa chỉ: Khóm B, phường V, Thị xã C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Trần Diễm M, sinh năm 1996; địa chỉ: khóm N, phường K, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- ***Bị đơn:*** 1. Ông Lê Văn C, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/5/2021 của nguyên đơn anh Nguyễn Duy M, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 02/3/2022, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Theo thỏa thuận, bắt đầu từ 05/11/2014 anh Nguyễn Duy M bán thức ăn và thuốc thủy sản cho anh Lê Văn C và chị Nguyễn Thị T. Hàng hóa được nhân viên giao hàng chở tận nơi hoặc anh C và chị T hoặc người nhà đến lấy hàng tại kho của anh M và tiến hành kiểm tra và ký bản đối chiếu xác nhận công nợ khi anh M yêu cầu. Cuối vụ thu hoạch tôm, anh C và chị T phải thanh toán hết tiền hàng cho anh M kể cả khi thu tôm bị thất (thu trước thời hạn). Trường hợp xét thấy công nợ cao, anh C và chị T vẫn không thanh toán tiền hàng thì anh M có quyền cắt hàng và đề nghị anh C và chị T thanh toán hết số tiền hàng còn nợ cho anh M. Thời điểm cắt hàng từ sau ngày 23/01/2018, và anh C và chị T xác nhận còn nợ anh M số tiền là 262.251.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện giao dịch, anh M đã cung cấp hàng hóa đúng theo yêu cầu đặt hàng của anh C và chị T. Sau khi nhận hàng anh C và chị T không có ý kiến gì về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa mà anh M đã giao. Mặc dù anh M thực hiện đúng thỏa thuận hợp đồng, nhưng anh C và chị T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán.

Từ ngày cắt hàng 23/01/2018 đến 23/02/2018 anh M đã cho thời gian anh C và chị T thực hiện việc trả tiền hoặc có kế hoạch thanh toán nhưng anh C và chị T không thực hiện. Ngày 14/12/2018 chị T đã ký xác nhận còn nợ số tiền là 262.251.000 đồng. Đến ngày 22/10/2020 anh C có đơn xin miễn giảm lãi gửi cho anh M, nhưng anh M không đồng ý vì suốt thời gian ngưng giao dịch tính đến đó là 2 năm 9 tháng nhưng anh C và chị T cũng không thanh toán được khoản tiền nào. Anh M đã nhiều lần yêu cầu anh C và chị T trả tiền hàng còn nợ và cử nhân viên đến nhắc nhiều lần nhưng đến nay anh C và chị T vẫn cố tình không thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh M. Tuy nhiên, Anh C trình bày do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên anh M đồng ý giảm số tiền 3.251.000 đồng cho Anh C, chị T. Số tiền anh C, chị T còn thiếu lại anh M là 259.000.000 đồng. Việc anh C xin nhận toàn bộ nghĩa vụ thanh toán số tiền trên và đề nghị không yêu cầu chị T cùng chịu trách nhiệm thanh toán thì anh M đồng ý.

Nay anh Nguyễn Duy M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Lê Văn C trả cho anh M số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản còn thiếu là 259.000.000 đồng, không yêu cầu chị T có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ cùng với anh C. Đồng thời, anh M thay đổi yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu tính lãi suất đối với bị đơn anh Lê Văn C.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/01/2022, bị đơn ông Lê Văn C trình bày:

Anh có nhận được nhiều thông báo của Tòa án đã gửi cho anh, tuy nhiên anh không đến Tòa án tham đề gia hòa giải được với lý do là anh bị tai nạn xe. Hiện nay anh chỉ thiếu tiền mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản đối với anh Nguyễn Duy M là hai trăm năm mươi mấy triệu mấy chứ không phải 262.251.000 đồng. Số tiền 262.251.000 đồng này là do nhân viên của anh M cộng nhầm. Giữa anh với chị Nguyễn Thị T (là vợ của anh) hai người đã thối nhau, không còn sống chung đã 03 năm và hiện nay anh cũng không biết chị T đang ở đâu. Đối với số tiền anh còn thiếu anh M thì anh đồng ý thanh toán một mình cho anh M, vì giữa anh với chị T đã thối nhau không còn liên lạc qua lại. Hiện nay hoàn cảnh kinh tế của anh đang gặp khó khăn do nuôi tôm bị thất mùa nên chưa có tiền trả cho anh M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Tuy nhiên, Tòa án còn để vụ án quá thời hạn hạn chuẩn bị xét xử. Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, do đó đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn anh Lê Văn C trả số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản nuôi tôm còn thiếu cho nguyên đơn với số tiền là 259.000.000 đồng.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản, bị đơn có địa chỉ tại ấp Đ, xã T, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã C thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là

“Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 02/3/2022, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu bị đơn chị T cùng liên đới thanh toán nợ cho anh M, chỉ yêu cầu anh C thanh toán nợ cho anh M theo đề nghị của anh M và không yêu cầu tính lãi suất đối với bị đơn. Việc người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn thay đổi 01 phần yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận sự thay đổi này. Tại phiên tòa, bị đơn anh C, chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh C, chị T theo quy định.

[4] Về nội dung vụ án: Trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến năm 2018, nguyên đơn anh Nguyễn Duy M - Chủ hộ kinh doanh Thành L có thỏa thuận bán thức ăn và thuốc thủy sản nuôi tôm cho bị đơn ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị T. Khi kết toán lại, anh C, chị T còn nợ anh M số tiền 262.251.000 đồng và hai bên có ký đối chiếu xác nhận nợ với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại biên bản lấy lời khai ngày 20/01/2022, bị đơn anh C thừa nhận còn nợ anh M số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản nuôi tôm là Hai trăm năm mươi chín triệu mấy; tại bảng đối chiếu xác nhận công nợ tháng 12/2018 và tại đơn xin miễn giảm (không có thể hiện ngày, tháng năm) thì chị T, anh C có ký tên vào các văn bản trên và thừa nhận còn thiếu Anh M số tiền 262.251.000 đồng. Tuy nhiên, tại đơn xin xét xử vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn chỉ yêu cầu anh C thanh toán số tiền 259.000.000 đồng là phù hợp với số tiền mà anh C đã thừa nhận còn thiếu đối với anh M. Do đó, đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh, được quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Sau khi đối chiếu công nợ vào tháng 12/2018, tại đơn xin xét xử vắng mặt của người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn ngày 02/3/2022 và tại biên bản ghi lời khai ngày 20/01/2022 anh C còn nợ anh Nguyễn Duy M số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản là 259.000.000 đồng. Sau các thời điểm nêu trên, anh M đã đến gặp anh C để yêu cầu thanh toán số tiền nợ thức ăn còn thiếu. Nhưng cho đến nay anh C vẫn chưa thanh toán cho anh M là vi phạm nghĩa vụ trả tiền đối với hợp đồng mua bán theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Từ những cơ sở phân tích nêu trên tại các mục số [3], [4] và [5], Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn anh Nguyễn Duy M - Chủ hộ Hộ kinh doanh Thành L yêu cầu Tòa án buộc bị đơn anh Lê Văn C trả số tiền mua thức ăn nuôi tôm còn thiếu 259.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử cần buộc bị đơn anh Lê Văn C có trách nhiệm trả số tiền nêu trên cho anh M là đúng với quy định của pháp luật.

[7] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và anh Nguyễn Văn Mận có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng bị đơn ông Lê Văn C phải trả lãi suất cho anh M theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[8] Xét lời đề nghị của Vị Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải nộp án phí. Bị đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Duy M - Chủ Hộ kinh doanh Thành Long, về việc yêu cầu bị đơn anh Lê Văn C trả số tiền mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản còn thiếu là 259.000.000 đồng.

- Buộc bị đơn anh Lê Văn C thanh toán số tiền 259.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi chín triệu đồng*) cho anh Nguyễn Duy M - Chủ Hộ kinh doanh Thành Long.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và anh Nguyễn Duy M - Chủ Hộ kinh doanh Thành L có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng bị đơn anh Lê Văn C phải trả lãi suất cho anh M theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn anh Lê Văn C phải nộp số tiền 12.950.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Nguyên đơn anh Nguyễn Duy M không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.141.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008760 ngày 11/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xem xét lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Đặng Văn Đua

